

Số: 223/2018/QĐST-HNGĐ

B, ngày 09 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 337/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/9/2018, giữa:

***Nguyên đơn:** Anh Thân Bá D, sinh năm 1977

HKTT: Thị trấn B, huyện V, tỉnh B;

Chỗ ở: Tổ dân phố H, phường D, TP B, tỉnh B.

***Bị đơn:** Chị Ngô Thị L, sinh năm 1981

HKTT: Tổ dân phố M, phường D, TP B, tỉnh B;

Chỗ ở: Tổ dân phố H, phường D, TP B, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/10/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Thân Bá D và chị Ngô Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Sau khi ly hôn giao cho anh Thân Bá D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Thân Bá P, sinh ngày 21/3/2009. Chị Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Thân Ngọc H, sinh ngày 08/4/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Anh Thân Bá D phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Dũng đã nộp theo biên lai số AA/2012/06975 ngày 05/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, xác nhận anh D đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh D 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nêu trên.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Chi Cục THADS TP.B;
- VKS TP.B;
- UBND thị trấn B, huyện V, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Văn Hải